

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2024**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Thượng Lý.
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, công thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là công thông tin điện tử):

+ Cơ sở 1 là trụ sở chính: Số 63 đường Nguyễn Hồng Quân - Phường Thượng Lý - Quận Hồng Bàng.

+ Cơ sở 2: Số 34 Đường Thanh Niên - Phường Thượng Lý - Quận Hồng Bàng.

Điện thoại: 0225.3525.536

Email: [mnthuongly@hongbang.edu.vn](mailto:mnthuongly@hongbang.edu.vn)

Website: <https://mnthuongly.haiphong.edu.vn>

- Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Mầm non công lập

- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

\* Sứ mạng:

- Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

- Tạo dựng đội ngũ giáo viên giỏi chuyên môn, là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tính cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập.

- Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng ở trẻ.

\* Tầm nhìn:

- Trường Mầm non Thượng Lý hướng đến xây dựng trường học đạt chuẩn về việc giáo dục và nuôi dưỡng, giúp phát triển hoàn thiện thể chất cũng như những kỹ năng sống của trẻ ngay từ nhỏ. Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên và xã hội xung quanh mình, từ đó kích thích sự tò mò ham thích khám phá, mong muốn tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ, điều này sẽ giúp các bé tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy sáng tạo, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

\* Mục tiêu:

- Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi trong những năm tiếp theo.

- Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

#### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển cơ sở giáo dục

- Trường Mầm Non Thượng Lý được hợp nhất từ trường Mẫu giáo Thượng Lý và Nhà trẻ 19-5 thành Trường Mầm non Thượng Lý theo Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021.

- Trường có 02 điểm trường.

+ Cơ sở 1 là trụ sở chính có diện tích 1.138,90 m<sup>2</sup>, địa chỉ số 63 đường Nguyễn Hồng Quân - Phường Thượng Lý - Quận Hồng Bàng.

+ Cơ sở 2 có diện tích 133,10 m<sup>2</sup>, địa chỉ số 34 Đường Thanh niên - Phường Thượng Lý - Quận Hồng Bàng.

Cơ sở 1: Đón các cháu từ 36 tháng tuổi trở lên (trẻ mẫu giáo).

Cơ sở 2: Đón các cháu nhà trẻ từ 13 - 24 tháng tuổi.

- Nhà trường nhiều năm đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, nhiều các nhân được tặng Giấy khen của UBND quận Hồng Bàng, Giấy khen của Sở giáo dục và Đào tạo, Bằng khen của UBND thành phố, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo...

- Trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Trần Thị Khương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Thượng Lý, Số 63 đường Nguyễn Hồng Quân - Phường Thượng Lý - Quận Hồng Bàng.

Điện thoại: 0935131838

Email: hieutruongmntl@gmail.com

#### 7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

- Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của UBND quận Hồng Bàng về việc hợp nhất trường Mẫu giáo Thượng Lý và Nhà trẻ 19-5 thành trường Mầm non Thượng Lý.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 8/10/2024 của UBND quận Hồng Bàng về việc kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND quận Hồng Bàng về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ.

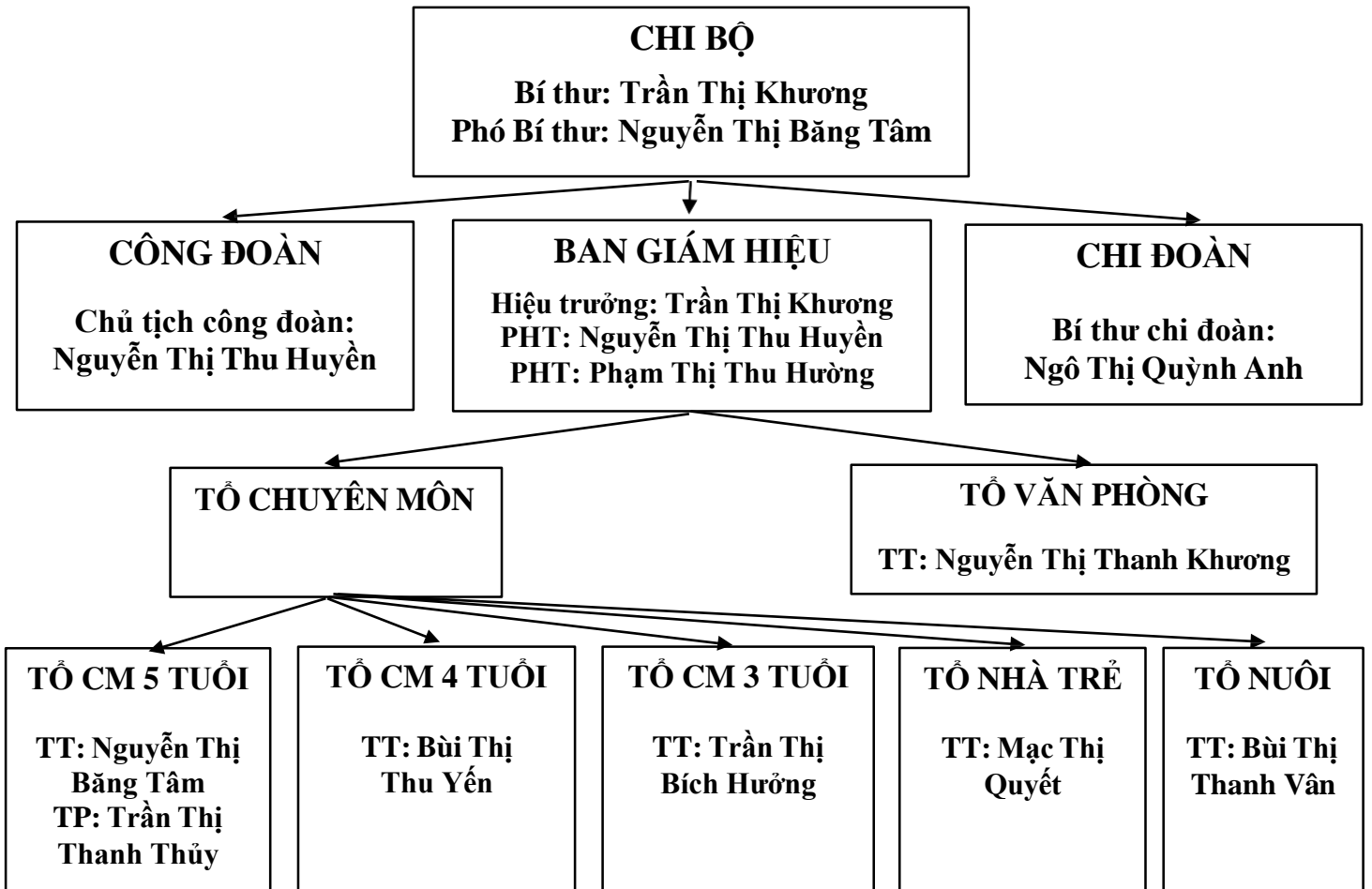
- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND quận Hồng Bàng về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 18/09/2023 của UBND quận Hồng Bàng về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)

- Quyết định số 31/QĐ-MNTL ngày 5/8/2024 của trường Mầm non Thượng Lý về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Mầm non Thượng Lý năm học 2024-2025.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)

- Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của UBND quận Hồng Bàng về việc hợp nhất trường Mẫu giáo Thượng Lý và Nhà trẻ 19-5 thành trường Mầm non Thượng Lý.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Họ và tên: Trần Thị Khương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Thượng Lý, Số 63 đường Nguyễn Hồng Quân - Phường Thượng Lý - Quận Hồng Bàng.

Điện thoại: 0935131838

Email: hieutruongmntl@gmail.com

- Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý các hoạt động và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường.

- Phó hiệu trưởng là người giúp hiệu trưởng quản lý nhà trường, chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Kế hoạch số 09-KH/BCĐ ngày 26/3/2024 của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ trường Mầm non Thượng Lý về việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ năm 2024.

- Quyết định số 12-QĐ/BCĐ ngày 26/3/2024 của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ trường Mầm non Thượng Lý về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong hoạt động của nhà trường.

- Quyết định số 34/QĐ-MNTL ngày 5/8/2024 của trường Mầm non Thượng Lý về việc phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2024-2025.

- Quyết định số 31/QĐ-MNTL ngày 5/8/2024 của trường Mầm non Thượng Lý về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Mầm non Thượng Lý năm học 2024-2025.

- Quyết định số 32/QĐ-MNTL ngày 5/8/2024 của trường Mầm non Thượng Lý về ban hành Quy chế làm việc trường Mầm non Thượng Lý năm học 2024-2025.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	Th.S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>		<b>42</b>			<b>21</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>6</b>
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>27</b>			<b>18</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	
1	Nhà trẻ	5			5			
2	Mẫu giáo	22			19	2	1	
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>			<b>3</b>			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>12</b>			<b>1</b>		<b>4</b>	<b>3</b>
1	Nhân viên văn thư							

2	Nhân viên kế toán	1			1		
3	Thủ quỹ						
4	Nhân viên y tế						
5	Nhân viên nấu ăn	7				4	3
6	Nhân viên khác (lao công, bảo vệ)	4					

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	Đạt	CĐ
<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>		<b>42</b>				
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>27</b>				
1	Nhà trẻ	5	3	1	1	
2	Mẫu giáo	22	16	6		
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>				
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2			

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý 03, đạt bồi dưỡng 100%;
- Giáo viên 27, đạt bồi dưỡng 100%.

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số điểm trường</b>	02 khu	1,8 m <sup>2</sup> /trẻ
<b>II</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	1360m <sup>2</sup>	3,4m <sup>2</sup>
<b>III</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>	513m <sup>2</sup>	1,3 m <sup>2</sup>
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	339m <sup>2</sup>	38m <sup>2</sup> /phòng
2	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	238m <sup>2</sup>	17 m <sup>2</sup> /phòng
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )	70m <sup>2</sup>	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> )	50m <sup>2</sup>	
5	Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )	150m <sup>2</sup>	

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng hiệu trưởng	1	
2	Phòng phó hiệu trưởng	2	

3	Văn phòng trường	1	
4	Phòng dành cho nhân viên	1	
5	Phòng bảo vệ	1	
6	Khu để xe	0	
7	Hội trường	1	
8	Phòng họp	0	
9	Phòng y tế	1	
10	Phòng giáo dục thể chất	1	
11	Phòng giáo dục nghệ thuật	0	
12	Phòng hành chính quản trị	0	
13	Phòng tin học	0	
14	Phòng tiếng Anh	1	
15	Phòng thư viện	1	
16	Phòng đa năng	1	
17	Phòng hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật học hoà nhập	0	
18	Phòng khác	0	

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)	130	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	130	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	33	

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>	8	
<b>II</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)</b>	43	
1	Nhóm trẻ 12-24 tháng	01	
2	Nhóm trẻ 24-36 tháng	02	
3	Lớp 3 tuổi	03	
4	Lớp 4 tuổi	03	
5	Lớp 5 tuổi	04	
6	Khối văn phòng, phục vụ công tác quản lý	08	

7	Số máy in	20	
8	Số máy chiếu	02	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
<b>Tiêu chuẩn 1</b>					
Tiêu chí 1.1		x	x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	-	
Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	-	
Tiêu chí 1.8		x	x	-	
Tiêu chí 1.9		x	x	-	
Tiêu chí 1.10		x	x	-	
<b>Tiêu chuẩn 2</b>					
Tiêu chí 2.1		x	x	x	
Tiêu chí 2.2		x			
Tiêu chí 2.3		x	x	x	
<b>Tiêu chuẩn 3</b>					
Tiêu chí 3.1		x	x		
Tiêu chí 3.2		x			
Tiêu chí 3.3		x	x		
Tiêu chí 3.4		x	x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	-	
<b>Tiêu chuẩn 4</b>					
Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x	
<b>Tiêu chuẩn 5</b>					
Tiêu chí 5.1		x	x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x	

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Mức độ 2.

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả

thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hàng năm: (chưa đánh giá).

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép)

TT	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học trước							
		Toàn trường		Trong đó chia ra					
		Kết quả đạt được		Nhà trẻ			Mẫu giáo		
		Số lượng	Đạt tỷ lệ	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1	Tổng số trẻ	328	100		11	17	82	88	130
2	Tổng số lớp	13			1	2	3	3	4
3	Bình quân trẻ/lớp	25			11	8	27	29	32

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có): Không có

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày;

TT	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học							
		Toàn trường		Trong đó chia ra					
		Kết quả đạt được		Nhà trẻ			Mẫu giáo		
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1	Tổng số trẻ đi học	328	100		11	17	82	88	130
2	Trẻ học 2 buổi/ngày	328	100		11	17	82	88	130

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú;

TT	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học							
		Toàn trường		Trong đó chia ra					
		Kết quả đạt được		Nhà trẻ			Mẫu giáo		
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	328	100		11	17	82	88	130
2	Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	328	100		11	17	82	88	130

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ;

TT	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học
----	----------	--



		Toàn trường		Trong đó chia ra					
		Kết quả đạt được		Nhà trẻ			Mẫu giáo		
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
Trẻ được khám sức khỏe định kỳ		328	100		11	17	82	88	130
Trẻ được cân-đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định		328	100		11	17	82	88	130
Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường	303	92.4		10	17	73	83	120
	Trẻ có chiều cao bình thường	304	92.7		11	17	74	79	123
	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	12	3.6		0	0	7	3	2
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	19	5.7		0	0	7	8	4
	Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	4	1.2		0	0	1	3	0
	Trẻ thừa cân	1	0.3		0	0	1	0	0
	Trẻ béo phì	5	1.5		1	0	2	2	0
Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần		328	100		11	17	82	88	130

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;

TT	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học trước							
		Toàn trường		Trong đó chia ra					
		Kết quả đạt được		Nhà trẻ			Mẫu giáo		
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
	Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	118	100						118

g) Số trẻ em khuyết tật: Không có

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và

hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

STT	Nguồn kinh phí	Số tiền (đồng)
<b>I. Dự toán thu, chi từ nguồn thu để lại tại đơn vị</b>		
1	Học phí (100% thu học phí để chi bù tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương)	666.855.000
<b>II. Dự toán chi Ngân sách Nhà nước</b>		
1	Kinh phí được giao tự chủ (N13)	3.689.926.958
2	Kinh phí không giao tự chủ (N12) - Kinh phí mua sắm vật tư, tài sản phục vụ chuyên môn, kinh phí sửa chữa phòng học, trường học, tài sản khác,...	345.095.242
3	Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	807.720.000

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

STT	Nguồn kinh phí	Nội dung chi	Số tiền (đvt: đồng)
1	Kinh phí được giao tự chủ (N13)	Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...)	3,535,421,558
2	Kinh phí được giao tự chủ (N13)	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục	156,685,138
3	Kinh phí được giao không tự chủ (N12)	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục	585,754,929

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

- Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND; Hướng dẫn số 1044/HDLĐ-GDĐT-TC ngày 19/8/2024 của Liên Sở: Giáo dục và Đào tạo và Tài chính về thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025.

Học sinh mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên được thành phố hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày

09/12/2019 của HĐND thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

\* Mức hỗ trợ: 203.000đ/tháng/trẻ

3. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **1. Công tác tham mưu và xây dựng văn bản chỉ đạo của địa phương.**

Nhà trường đã tham mưu cho Đảng ủy, UBND phường xây dựng các văn bản:

- Kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn phường năm 2024; Kế hoạch phát triển giáo dục mầm non năm học 2024-2025.

### **2. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua.**

- Chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về việc: “Đẩy mạnh Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, phong trào “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học”, cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” gắn với việc giáo dục phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, lương tâm, tình cảm nghề nghiệp, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thực hành tiết kiệm cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Từng cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên đăng ký và ký cam kết thực hiện tốt các cuộc vận động.

- Phong trào thi đua: “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” đã được nhà trường lồng ghép vào các hoạt động ngày hội, ngày lễ như: Ngày hội đến trường của bé, ngày Tết Trung thu, cho trẻ đi tham quan dã ngoại... và các hoạt động giáo dục trẻ như trò chơi, bài hát, bài thơ, các trò chơi dân gian, đồng dao, ca dao.

### **3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị GDMN.**

- Nhà trường đã bổ sung mua sắm trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đáp ứng việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

- Đầu tư phòng Hội trường màn hình Led cỡ lớn, có đủ âm thanh cho phòng họp và tổ chức các sự kiện cho trẻ, màn hình Led sân khấu, bạt xếp che sân, màn hình cảm ứng cho trẻ học Tiếng Anh...

### **4. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên.**

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo năm học, tháng; duy trì sinh hoạt chuyên môn hàng tháng.

- Quan tâm bồi dưỡng giáo viên, hàng tháng tổ chức học tập và bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên theo các chuyên đề, đặc biệt những giáo viên mới chưa có nhiều kinh nghiệm. Ngoài ra nhà trường còn cử cán bộ, giáo viên cốt cán tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên từ đầu năm học, cán bộ quản lý và giáo viên đăng ký các nội dung bồi dưỡng; các tổ xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của từng tổ và mỗi giáo viên thực hiện chương trình bồi dưỡng 120 tiết/năm học.

- Nhà trường chỉ đạo các lớp xây dựng nội dung chơi ở các góc đều có các đồ dùng, đồ chơi có kí hiệu riêng dành cho trẻ yếu thế.

- Trong học kì vừa qua nhà trường đã tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục trẻ, chỉ đạo giáo viên các lớp tạo môi trường: Thân thiện, phong phú, hấp dẫn, phù hợp với từng độ tuổi để trẻ tích cực hoạt động.

- Tổ chức hoạt động lên tiết chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11: Xếp loại Tốt  $18/23 = 78,3\%$ ; Xếp loại Khá:  $5/23 = 21,7\%$ .

- Tổ chức cho nhân viên nấu ăn tham gia thi nhân viên nấu giỏi cấp trường chào mừng ngày Nhà giáo Việt nam 20/11 với 01 giải nhất và 01 giải Nhì.

### **5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục.**

- Triển khai, thực hiện tốt công tác truyền truyền phổ biến giáo dục pháp luật, chỉ đạo thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học cụ thể hoá từng tháng, tuần tới từng bộ phận trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường vào các buổi sinh hoạt chuyên môn, họp hội đồng hàng tháng. Hàng tháng duy trì bình bầu thi đua, xếp loại theo tiêu chí thi đua của nhà trường.

- Xây dựng và công khai tiêu chí thi đua, nội qui của đơn vị, qui chế chi tiêu nội bộ, thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024; Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT, ngày 03/8/2018 của Bộ GDĐT; Thông tư 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017; Thông tư 90/2018/TT-BTC, ngày 28/9/2018;

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ cụ thể từng tháng, từng nội dung.

- Ứng dụng CNTT trong các hoạt động: Quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ phù hợp, hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, thông kê, báo cáo định kỳ, đột xuất kịp thời, đảm bảo chất lượng báo cáo.

- Lưu trữ các văn bản đầy đủ, có hệ thống, sắp xếp hồ sơ đầy đủ, khoa học.

### **6. Thực hiện công tác xã hội hóa, tài trợ giáo dục.**

- Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền về chủ trương xã hội hóa để các ban, ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp, các đơn vị kết nghĩa, các bậc phụ huynh cùng quan tâm đến công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Các ngày hội, ngày lễ các buổi tham quan trải nghiệm đều có sự tham gia và giúp sức rất lớn của các bậc phụ huynh trong nhà trường.

### **7. Công tác truyền thông giáo dục về giáo dục mầm non; phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng.**

- Nhà trường đã làm tốt công tác truyền thông bằng nhiều hình thức như: thông qua tuyên truyền trao đổi hàng ngày, thông qua giờ đón, trả trẻ, qua bảng thông báo, góc tuyên truyền của nhà trường.

- Phụ huynh tích cực tham gia hỗ trợ về tinh thần, vật chất các hoạt động chuyên môn, các hoạt động tham quan trải nghiệm, phối hợp với nhà trường tổ chức tốt các ngày hội, ngày lễ của trường và của lớp.

- Nhà trường tích cực làm công tác truyền thông giáo dục thông qua trang website, thông qua zalo,... thông qua các bài tuyên truyền phụ huynh và cộng đồng xã hội hiểu hơn về các hoạt động của nhà trường.

Trên đây là báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non năm học 2024-2025.

 **HIỆU TRƯỞNG**  
**Trần Thị Khương**